

KHOA HỌC VÀ SÁNG TẠO - XU HƯỚNG NĂNG LỰC MỚI CỦA NGƯỜI CÔNG NHÂN VIỆT NAM THỜI KỲ CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

✍ NGUYỄN KIM THANH*

Ngày nhận: 25/8/2023

Ngày phản biện: 30/8/2023

Ngày duyệt đăng: 15/9/2023

Tóm tắt: Năng lực lao động không những là yếu tố đóng vai trò khẳng định và nâng tầm giá trị cá nhân người lao động, mà còn là nhân tố góp phần thúc đẩy năng suất lao động và tăng trưởng kinh tế. Hiện nay, dưới sự tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 thì làm việc khoa học và sáng tạo chính là một trong những xu hướng năng lực mới đòi hỏi người lao động cần được đáp ứng, vậy giải pháp để thúc đẩy năng lực này là gì, đó chính là nội dung chính mà chúng tôi đề cập trong bài viết này.

Từ khóa: Năng lực sáng tạo; tác phong làm việc khoa học; cách mạng công nghiệp 4.0

SCIENCE AND CREATIVITY - NEW CAPACITY TREND OF VIETNAM WORKERS IN INDUSTRIAL REVOLUTION 4.0

Abstract: Labor capacity is not only a factor that plays a role in affirming and enhancing the personal value of workers, but also a factor contributing to promoting labor productivity and economic growth. Currently, under the impact of the 4.0 industrial revolution, working scientifically and creatively is one of the new competency trends that workers need to meet, so what are the solutions to promote this competency? What is it, that is the main content that we cover in this article.

Keywords: Creative capacity; scientific working style; industrial revolution 4.0.

1. Khái niệm khoa học, sáng tạo

Khái niệm khoa học và khoa học trong sản xuất

Khoa học là một hệ thống tri thức phản ánh quá trình nghiên cứu nhằm khám phá ra bản chất hay quy luật tồn tại, phát triển của sự vật, hiện tượng của tự nhiên, xã hội và tư duy. Về thuật ngữ, “khoa học” có nguồn gốc từ chữ Latin “scientia” có nghĩa là tri thức. Theo Từ điển Giáo dục, khoa học là lĩnh vực hoạt động của con người nhằm tạo ra và hệ thống hóa những tri thức khách quan về thực tiễn, là một trong những hình thái ý thức xã hội bao gồm cả hoạt động để thu hái kiến thức mới lẫn kết quả của hoạt động ấy, tức là toàn bộ những tri thức khách quan làm nên nền tảng của một bức tranh về thế giới. Từ khoa học cũng còn dùng để chỉ những lĩnh vực tri thức chuyên ngành. Mục đích trực tiếp của khoa học là miêu tả, giải thích và dự báo các quá trình và các hiện tượng của thực tiễn dựa trên cơ sở những quy luật mà nó khám phá được. Theo Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 thì “Khoa học là hệ thống tri thức về bản chất, quy luật tồn tại và phát triển của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy”.

Như vậy, có thể hiểu rằng: Khoa học là hệ thống

kiến thức về quy luật của tự nhiên, xã hội và tư duy, về biện pháp tác động vào thế giới xung quanh, là sự nhận thức và làm biến đổi thế giới phục vụ cho lợi ích của xã hội.

Khoa học xuất hiện phản ánh nhu cầu tất yếu của con người trong nhận thức và cải tạo thế giới, nó không những là sự hiểu biết của con người về thế giới mà còn là hành động cụ thể của con người nhằm biến đổi, cải tạo thế giới hiện thực phục vụ mục đích phát triển của nhân loại. Khoa học xuất hiện mang trong mình những đặc trưng cơ bản như: 1) tính rõ ràng, chính xác, 2) tính thực tế, 3) tính chuyên biệt, 4) tính khái quát hóa, 5) tính phương pháp, 6) tính mở, 7) tính hệ thống, 8) tính linh hoạt, sáng tạo, 9) tính kiểm chứng.

Khoa học trong sản xuất là nội dung quan trọng quyết định đến năng suất, chất lượng và hiệu quả; nó không những thể hiện ở việc tổ chức sản xuất khoa học, có quy trình, cách thức sản xuất đúng, tư liệu sản xuất phù hợp mà còn là chủ thể lao động bảo đảm tính khoa học, nắm vững hệ thống tri thức, nguyên lý trong vận hành, sử dụng tư liệu sản xuất và có tác phong làm việc khoa học.

* Trường Đại học Công đoàn

Thực hiện khoa học trong sản xuất vừa là mục đích đồng thời là động lực của doanh nghiệp là sự nỗ lực trong công tác quản trị sản xuất của nhà đầu tư, là trách nhiệm của lực lượng lao động trong quá trình sản xuất. Bảo đảm khoa học trong sản xuất là nhiệm vụ thường xuyên và đòi hỏi phải không ngừng được quan tâm từ các bên liên quan, bao gồm nhà quản lý và người trực tiếp tiến hành sản xuất.

Khái niệm sáng tạo và sáng tạo trong sản xuất:

Sáng tạo là hoạt động đặc trưng của con người trong quá trình nhận thức và cải tạo hiện thực. Từ thực tiễn lao động sản xuất mà sáng tạo xuất hiện như một nhu cầu tất yếu của con người để chinh phục và cải tạo tự nhiên, hướng tự nhiên phục vụ cuộc sống con người ngày càng tốt hơn. Nghiên cứu về sáng tạo đã có nhiều định nghĩa khác nhau về nội hàm của sáng tạo, chẳng hạn:

Sáng tạo theo L.X.Vugótxki, được hiểu đó là “hoạt động tạo ra cái mới không phân biệt kết quả tạo ra nó có ý nghĩa hiện thực cụ thể hay có ý nghĩa về mặt tư duy - tình cảm”¹. Còn đối với J.H.Lavsa (Tiệp Khắc cũ) cho rằng: “sáng tạo là sự lựa chọn và sử dụng những phương tiện mới, cách giải quyết mới”². Ở M.E.Wilson “sáng tạo là quá trình mà kết quả là tạo ra những kết hợp mới cần thiết từ các ý tưởng, dạng năng lượng, các đơn vị thông tin, các khách thể hay tập hợp của hai - ba các yếu tố nêu ra”³.

Tác giả Đức Uy thì cho rằng sáng tạo là “sự đột khởi thành hành động của một sản phẩm liên hệ mới mẻ, nảy sinh từ sự độc đáo của một cá nhân, và những tư liệu biến cố, nhân sự hay những hoàn cảnh của đời người ấy”⁴. Theo Phan Dũng thì “sáng tạo là hoạt động tạo ra bất kỳ cái gì có đồng thời tính mới và tính ích lợi”⁵. Với Lê Huy Hoàng quan niệm “sáng tạo là quá trình hoạt động của con người, trên cơ sở nhận thức được các quy luật của thế giới khách quan, tạo nên những giá trị tinh thần và vật chất mới về chất, đáp ứng các nhu cầu đa dạng của xã hội”⁶. Phạm Thành Nghị coi sáng tạo “là quá trình tiến tới cái mới, là năng lực tạo ra cái mới, sáng tạo được đánh giá trên cơ sở sản phẩm mới, độc đáo và có giá trị”⁷.

Mặc dù có sự khác biệt nhất định trong cách hiểu về sáng tạo nhưng các định nghĩa trên đều cho rằng: sáng tạo là hoạt động đặc trưng của con người

tạo ra cái mới, có giá trị, là kết quả của hoạt động giải quyết vấn đề theo cách mới. Như vậy, theo chúng tôi, sáng tạo là hoạt động đặc trưng của con người được nảy sinh từ thực tiễn làm xuất hiện những giá trị mới nhằm giải quyết các vấn đề của thực tiễn đem lại hiệu quả cao hơn.

Sáng tạo luôn mang đặc điểm, đó là: 1) hoạt động tạo ra cái mới có giá trị, 2) là hoạt động có mục đích của con người, 3) là hoạt động giải quyết vấn đề đặt ra trong hiện thực một cách tối ưu nhất.

Các yếu tố cấu thành của hoạt động sáng tạo bao gồm: chủ thể sáng tạo; vấn đề của sáng tạo; môi trường sáng tạo (bao hàm công cụ, phương tiện, nguyên liệu của sáng tạo); sản phẩm sáng tạo. “Cả 4 bộ phận trên bao quát tất cả các yếu tố có thể ảnh hưởng tác động đến hoạt động sáng tạo, đến kết quả của sáng tạo. Nếu thiếu một trong 4 bộ phận trên thì hoạt động sáng tạo sẽ không diễn ra hoặc không còn là hoạt động sáng tạo”⁸.

Sáng tạo trong sản xuất gắn liền với chủ thể là những người lao động trực tiếp tham gia sản xuất bằng kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm đưa ra những giá trị mới nhằm tối ưu hóa hoạt động sản xuất đem lại năng suất lao động cao, đem lại hiệu quả và tiết kiệm. Sáng tạo trong sản xuất là một trong những nhân tố quan trọng quyết định tốc độ tăng trưởng bền vững của doanh nghiệp cũng như nền sản xuất xã hội. Vì vậy, nhà nước, doanh nghiệp cần quan tâm tạo môi trường sáng tạo từ đó tác động tích cực, thúc đẩy hoạt động sáng tạo của các chủ thể.

¹ Dẫn theo Huỳnh Văn Sơn (2009), *Giáo trình Tâm lý học sáng tạo*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.25.

² Dẫn theo Huỳnh Văn Sơn (2009), *Giáo trình Tâm lý học sáng tạo*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.25.

³ Dẫn theo Đức Uy (1999), *Tâm lý học sáng tạo*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.27-28.

⁴ Đức Uy (1999), *Tâm lý học sáng tạo*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.9.

⁵ Phan Dũng (2010), *Giới thiệu phương pháp luận sáng tạo và đổi mới*, (t.1 bộ sách Sáng tạo và đổi mới), Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, tr.14.

⁶ Lê Huy Hoàng (2002), *Sáng tạo và những điều kiện chủ yếu để kích thích sự sáng tạo của con người Việt Nam hiện nay*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.39.

⁷ Phạm Thành Nghị (2012), *Giáo trình Tâm lý học sáng tạo*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr.28.

⁸ Trần Việt Dũng (2015), “Tính đặc thù của hoạt động sáng tạo”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 12, tr.36.

Giữa khoa học và sáng tạo là cặp phạm trù cộng sinh, tương hỗ cho nhau trong quá trình sản xuất, là nguyên nhân, kết quả của nhau. Với nhiệm vụ phát hiện quy luật của sự vật, hiện tượng khoa học đã cung cấp những chất liệu cho quá trình sáng tạo được nảy sinh. Trên cơ sở vận dụng các quy luật của khoa học, các nguyên lý, giải pháp tác động vào sự vật hoặc hiện tượng, nhằm biến đổi trạng thái của chúng phục vụ hiệu quả hơn hoạt động của con người trong cải tạo, biến đổi hiện thực đã được sáng tạo ra.

Từ hệ thống tri thức chuyên môn của lĩnh vực, ngành nghề sản xuất đã được trang bị, người công nhân khi tham gia quá trình sản xuất thì các vấn đề của sáng tạo đã xuất hiện, thúc đẩy năng lực sáng tạo của người công nhân. Lúc đó các sản phẩm sáng tạo với tư cách là các giải pháp kỹ thuật, các công nghệ mới được triển khai trong sản xuất đem lại năng suất lao động cao và tiết kiệm.

Trong bối cảnh tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 đang làm thay đổi cách chúng ta hoạt động, giao tiếp, sản xuất và tác động mạnh mẽ đến thị trường lao động, khi máy móc, công nghệ và trí tuệ nhân tạo đang dần thay thế nhiều loại công việc của con người. Để có thể tồn tại được, đòi hỏi người lao động cần trang bị thêm kỹ năng mới đáp ứng được yêu cầu công việc và “chuyển mình” cùng doanh nghiệp trong thời đại số hóa. Làm việc khoa học, sáng tạo trong các giải pháp, giải quyết vấn đề phức tạp; Biết cách “giải mã” thông tin, có sự linh hoạt trong tư duy phản biện, đánh giá phân tích; Hội nhập quốc tế, có khả năng thích ứng với môi trường làm việc đa văn hóa; Có tư duy hệ thống là những kỹ năng mới mà công nhân lao động cần được trang bị. Các cơ sở đào tạo nhân lực vì vậy cũng phải chuyển hướng nhanh chóng trong nội dung đào tạo các kỹ năng mới trong lao động, đồng thời bản thân người lao động cần biết kiên nhẫn trong quá trình học hỏi để “nâng giá” năng lực của bản thân và đáp ứng lộ trình nghề nghiệp dài hơi của doanh nghiệp trong bối cảnh chuyển mình của công nghệ số của cách mạng công nghiệp 4.0. Trong Báo cáo tương lai việc làm năm 2018 của WEF, đã chỉ rõ dưới sự tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 với sự phát triển của những ngành nghề mới hoặc những biến đổi của những ngành nghề hiện có sẽ đòi hỏi những xu hướng năng lực

và kỹ năng lao động mới như: “Độ nhạy bén với những vấn đề (87%), sáng tạo (86%), linh hoạt nhận thức (85%), học hỏi tích cực (87%), tư duy phản biện (75%), hợp tác với người khác (79%)”⁹. Thực hiện “Báo cáo về triển vọng nghề nghiệp và xu hướng kỹ năng tại Việt Nam giai đoạn 2018 - 2022”, VietnamWorks đã thực hiện một cuộc khảo sát độc lập vào nửa cuối năm 2018 với hơn 200 chuyên gia nhân sự hiện đang giữ các vị trí quản lý trở lên tại các tập đoàn đa quốc gia và các công ty có thương hiệu hàng đầu tại Việt Nam, trên cơ sở đó đã dự báo xu hướng các năng lực, kỹ năng, kỹ năng phức tạp quan trọng trong 5 năm tới bao gồm: “Top 3 năng lực sẽ trở nên quan trọng trong 5 năm sắp tới bao gồm: (1) độ nhạy bén với vấn đề, (2) sáng tạo, và (3) linh hoạt nhận thức. Top 3 kỹ năng cơ bản sẽ trở nên quan trọng trong 5 năm sắp tới bao gồm: (1) học hỏi tích cực, (2) kiến thức về CNTT và truyền thông, và (3) quản lý bản thân và người khác. Top 3 kỹ năng phức tạp sẽ trở nên quan trọng trong 5 năm sắp tới bao gồm: (1) hợp tác với người khác, (2) quản lý con người, và (3) trí tuệ cảm xúc”¹⁰.

2. Một số giải pháp thúc đẩy năng lực khoa học và sáng tạo trong lao động cho người công nhân trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0

Khoa học và sáng tạo là những năng lực cần có của công nhân lao động trong quá trình sản xuất, đặc biệt trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 thì năng lực này ngày càng thể hiện vai trò trụ cột của nó trong hệ thống các năng lực cần có của người lao động. Để thúc đẩy mạnh mẽ năng lực khoa học và sáng tạo cho công nhân lao động, theo chúng tôi cần thực hiện tốt những nhiệm vụ, giải pháp sau:

Thứ nhất, tăng cường nhận thức về năng lực khoa học và sáng tạo trong sản xuất. Nói đến khoa học, sáng tạo, đặc biệt là vai trò của khoa học, sáng tạo dường như ai cũng có thể nói ra được, tuy nhiên để hiểu đầy đủ về năng lực khoa học, sáng tạo từ lý luận cho đến thực tiễn thì vẫn còn có những hạn chế nhất định. Chính vì vậy cần đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về năng lực khoa học, sáng tạo

⁹ https://www3.weforum.org/docs/WEF_Future_of_Jobs_2018.pdf

¹⁰ <https://careerhub.hauai.edu.vn/media/30/uffile-upload-no-title30072.pdf>

trong sản xuất để các nhà quản trị cũng như người công nhân lao động trực tiếp tiến hành sản xuất có cách hiểu thống nhất về năng lực khoa học và sáng tạo. Trong đó Nhà nước, cộng đồng doanh nghiệp và công nhân lao động có vai trò tiên quyết trong việc nâng cao nhận thức và yêu cầu mới đặt ra về năng lực cần có trong lao động, từ đó xây dựng chiến lược, có cơ chế thúc đẩy hình thành những năng lực mới trong lao động định hướng cho công nhân lao động tự trau dồi và hoàn thiện các kiến thức - kỹ năng - thái độ cần thiết đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp và nền kinh tế.

Thứ hai, tăng cường sự phối hợp của tổ chức công đoàn, đặc biệt là công đoàn cơ sở với doanh nghiệp trong việc thúc đẩy năng lực khoa học, sáng tạo trong sản xuất bằng việc tích cực đẩy mạnh và đa dạng hóa phong trào thi đua “Lao động giỏi, lao động sáng tạo” trong công nhân lao động. Thông qua phong trào thi đua “Lao động giỏi, lao động sáng tạo” đã xuất hiện nhiều tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến. Nhiều công nhân lao động tích cực sáng tạo, có nhiều sáng kiến đạt hiệu quả cao được doanh nghiệp và xã hội tôn vinh, biểu dương. Phong trào thi đua “Lao động giỏi, lao động sáng tạo” đã phát huy hiệu quả, khơi dậy tiềm năng, trí tuệ của người lao động, tạo sức mạnh tổng hợp, thúc đẩy phát triển trên mọi lĩnh vực công tác, lao động, sản xuất, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội. Chương trình “1 triệu sáng kiến vượt khó, sáng tạo, quyết tâm chiến thắng đại dịch Covid-19” do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam phát động, đã hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch trước gần 11 tháng (332 ngày) là thực tiễn sinh động phản ánh nhu cầu cũng như năng lực sáng tạo trong sản xuất của công nhân lao động trên phạm vi cả nước. Sự thành công của chương trình này, cho phép chúng ta tự tin về một văn hóa sáng tạo đang ấp ủ trong đời sống sản xuất, chỉ cần được ươm mầm là nó lập tức lan tỏa rộng và từng bước bén rễ, thấm sâu trong đời sống xã hội.

Thứ ba, xây dựng quỹ giải thưởng về khoa học và sáng tạo của quốc gia và doanh nghiệp để ghi nhận, biểu dương, khen thưởng kịp thời những gương điển hình về sáng tạo, với những sản phẩm sáng tạo có giá trị tiêu biểu từ đó góp phần từng bước xây dựng một văn hóa khoa học, sáng tạo trong đời sống xã hội, làm cho nó trở thành một giá trị chủ

đạo trong đời sống văn hóa của người Việt Nam hiện đại. Tiên phong trong hoạt động này đó chính là sự ra đời của Quỹ Đổi mới sáng tạo Vingroup (VINIF) thuộc Viện Nghiên cứu Dữ liệu lớn tháng 8/2018. “Kết quả sau 5 năm hoạt động, với tổng hỗ trợ gần 800 tỷ đồng, VINIF đã góp phần tạo ra hàng ngàn công trình được công bố trên các tạp chí quốc tế uy tín, gần 400 sản phẩm, trên 70 phát minh sáng chế, gần 20 doanh nghiệp start-up, spin-off (hình thức thương mại hóa quyền sở hữu trí tuệ) hình thành”¹¹. Các chương trình của VINIF đã góp phần thúc đẩy và lan tỏa văn hóa sáng tạo trong đời sống xã hội nước ta hiện nay. Thực tiễn hoạt động của mô hình này cho thấy, nó cần được nhân rộng trên bình diện quốc gia cũng như trong phạm vi của doanh nghiệp như là một sự cam kết của chính phủ, doanh nghiệp về việc tạo điều kiện, môi trường tốt nhất và tôn vinh năng lực khoa học, sáng tạo, sự cống hiến, làm lợi cho doanh nghiệp và quốc gia của công nhân lao động cả nước.

Thứ tư, tiếp tục thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, hỗ trợ công nhân lao động cập nhật sản phẩm sáng tạo trên phần mềm trực tuyến, xây dựng dữ liệu số quốc gia về sản phẩm sáng tạo; sàng lọc sản phẩm sáng tạo trùng lặp, bổ sung một số tính năng phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản trị, tổng hợp sản phẩm sáng tạo. Xây dựng dữ liệu số quốc gia về sản phẩm sáng tạo là một yêu cầu tất yếu trong bối cảnh số hóa của cách mạng công nghiệp 4.0. Đây chính là tài sản quốc gia, là nguồn tài nguyên quan trọng phục vụ công tác quản trị và đẩy mạnh văn hóa sáng tạo trong đời sống xã hội. Dữ liệu số về sản phẩm sáng tạo phải có tính mở, liên thông trên phạm vi toàn quốc, kết nối giữa Nhà nước với doanh nghiệp, giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp và công nhân lao động để quản trị và xã hội hóa sản phẩm sáng tạo. Để làm được điều này, đòi hỏi Nhà nước cần quan tâm, đi đầu trong việc kiến tạo cơ chế, chính sách hình thành và hoạt động.

3. Kết luận

Lao động khoa học và sáng tạo vừa là mục tiêu, đồng thời là động lực của nền sản xuất xã hội; đặc

¹¹ <https://vnbusiness.vn/cong-nghe/quy-doi-moi-sang-tao-vingroup-tong-ket-5-nam-thuc-day-phat-trien-nghien-cuu-khoa-hoc-viet-nam-1094180.html>

biệt trong bối cảnh tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay thì khoa học và sáng tạo là xu hướng nổi trội, là yêu cầu tất yếu trong năng lực của công nhân lao động. Nhà nước, cộng đồng doanh nghiệp và công nhân lao động cần thống nhất nhận thức về xu hướng của năng lực này trong sản xuất để có chiến lược, cơ chế xây dựng, thúc đẩy năng lực này cho nguồn nhân lực toàn xã hội, qua đó giải quyết được bài toán về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội, nhằm không để ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình phát triển chung của dân tộc. □

Tài liệu tham khảo

1. Trần Việt Dũng (2015), "Tính đặc thù của hoạt động sáng tạo", *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 12, tr.33-38.

2. Phan Dũng (2010), *Giới thiệu phương pháp luận sáng tạo và đổi mới*, (t.1 bộ sách Sáng tạo và đổi mới), Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
3. Lê Huy Hoàng (2002), *Sáng tạo và những điều kiện chủ yếu để kích thích sự sáng tạo của con người Việt Nam hiện nay*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
4. Phạm Thành Nghị (2012), *Giáo trình Tâm lý học sáng tạo*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
5. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Luật số: 29/2013/QH13 Luật Khoa học Công nghệ*.
6. Đức Uy (1999), *Tâm lý học sáng tạo*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
7. <https://vnbusiness.vn/cong-nghe/quy-doi-moi-sang-tao-vingroup-tong-ket-5-nam-thuc-day-phat-trien-nghien-cuu-khoa-hoc-viet-nam-1094180.html>
8. <https://careerhub.hau.edu.vn/media/30/uffile-upload-no-title30072.pdf>
9. https://www3.weforum.org/docs/WEF_Future_of_Jobs_2018.pdf

XÂY DỰNG HỆ GIÁ TRỊ...

(Tiếp theo trang 20)

phát triển; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội đều phải do con người, vì con người.

Đưa Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng về xây dựng hệ giá trị con người Việt Nam vào thực tiễn là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân. Do đó, hệ thống chính trị, các cấp ủy đảng phải thực sự quan tâm, coi đây là nhiệm vụ chính trị của mình. Các cấp chính quyền phải ban hành kế hoạch, chương trình, quy định, quy chế và tạo các điều kiện cho mỗi cơ quan, đơn vị và từng cá nhân thực hiện. Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị xã hội phải thật sự quan tâm, vận động, tuyên truyền, thuyết phục, kiểm tra đôn đốc và xuyên suốt là phải đề cao vai trò gương mẫu của cán bộ đảng viên, nhất là người đứng đầu. Người đứng đầu phải coi trọng nguồn lực con người, đặc biệt nguồn lực chất lượng cao thì mới có tác động lan tỏa thực sự. Để xây dựng được các giá trị này, cần có một hệ thống giải pháp đồng bộ; sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự đoàn kết của toàn Đảng, toàn dân và phải làm kiên trì, thường xuyên, liên tục. Tuy nhiên, từng bước đi phải vững chắc, làm đến đâu chắc đến đấy, làm đến đâu hiệu quả đến đấy. Với tinh thần như vậy, chúng ta tin tưởng và hy vọng rằng, trong thời gian không

xa, có thể là 5 - 10 năm, hệ giá trị con người Việt Nam với đầy đủ các giá trị truyền thống và hiện đại sẽ được hoàn thiện, trở thành trung tâm, mục tiêu, động lực quan trọng nhất đối với sự phát triển của đất nước. □

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội,
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2014), *Văn kiện Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, NXB. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 2, NXB. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
6. Trần Ngọc Thêm (2016), *Hệ giá trị Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại và con đường tới tương lai*, NXB. Văn hóa - Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh.
7. Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam (2018), *Hệ giá trị văn hóa và con người Việt Nam*, NXB. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
8. <https://tuyengiao.vn/van-hoa-xa-hoi/xay-dung-he-gia-tri-va-chuan-muc-con-nguoi-viet-nam/xay-dung-he-gia-tri-con-nguoi-viet-nam-trong-giai-doan-hien-nay-142759>.
9. <https://thoquan.thanhhoa.gov.vn/web/trang-chu/tin-tuc-su-kien/xay-dung-he-gia-tri-quoc-gia-he-gia-tri-van-hoa-viet-nam-trong-thoi-ky-hoi-nhap-quoc-te.html>.
10. <http://dukqtw.dcs.vn/hoi-nghi-van-hoa-toan-quoc-trien-khai-thuc-hien-nghi-quyet-dai-hoi-xiii-cua-dang-duk15401.aspx>